TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 276/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2017.
V/v: Tranh chấp HNGĐ xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dũng

Các vị Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thái Quân.

2. Ông Lê Văn Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2016/TLST- HNGĐ ngày 29-4-2016, về: "*Tranh chấp hôn nhân - gia đình xin ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1981. Hộ khẩu thường trú ấp T2, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang, có nhà và sinh sống tại ấp T1, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: **Phạm Văn H**, sinh năm 1984. Hộ khẩu thường trú ấp T2, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang, có nhà tại ấp T1, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang. Hiện nay tạm trú tại nhà cha, mẹ ruột tại ấp T2, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Ủy ban nhân dân huyện PT (UBND).** Địa chỉ: ấp T2, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang.. Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Phú Tân: ông **Quách Hoàng L**, chức vụ: Giám đốc Ban quản lý dự án và đầu tư huyện PT (theo giấy ủy quyền số 39/GUQ.UBND, ngày 15-6-2016).

2. **Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCS). Do** ông **Lê Văn T**, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện PT đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền số 76/UQ-PGD, ngày 28-11-2016).

3. **Phạm Thị Phương T**, sinh ngày 06/10/2003, hộ khẩu thường trú ấp T2, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang, hiện nay tạm trú tại nhà ông bà, nội ấp T2, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang. Do cha là Phạm Văn H, sinh năm 1984 đại diện theo pháp luật.

4. **Nguyễn Thanh T,** sinh ngày 29-8-2013 do mẹ là **Nguyễn Thị Mỹ H**, hộ khẩu thường trú ấp T2, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang, có nhà và sinh sống tại ấp T1, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang đại diện theo pháp luật.

- Các đương sự bà **Nguyễn Thị Mỹ** H, ông **Phạm Văn H** có mặt.

- Các đương sự ông L, ông **Lê Văn** T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 04-4-2016; biên bản lấy lời khai ngày 26-12-2016; bản tự khai ngày 05-5-2016; biên bản hòa giải các ngày: 26-12-2016, 14-4-2017, 14-7-2017; tờ thỏa thuận ngày 27-12-2016 và lời khai tại phiên tòa thì chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Tôi và **Phạm Văn H** chính thức là vợ chồng vào ngày 25-10-2002, được cha mẹ hai bên đồng ý, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh **Phạm Văn H** nhậu nhẹt, đánh đập, mắng chửi tôi, chính quyền xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền và anh quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên đánh đập tôi phải nằm viện và chính thức ly thân từ ngày 22-12-2015 âl đến nay.

Về con chung: có 02 con tên Phạm Thị Phương T, sinh ngày 06-10-2003 đang sống với anh **Phạm Văn H** và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 29-8-2013 đang sống với tôi.

Về nợ phải thu: không có.

Về tài sản và nợ phải trả:

1. Một nền đất diện tích 77,5m^2 (ngang 5m dài 15,5m) tọa lạc tuyến dân cư Phú Mỹ - Phú Thọ (lô 8, nền 40 thuộc ấp T1, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang). Theo Quyết định số 7078 ngày 16-11-2011 của UBND huyện PT về việc bán nền nhà ở trả chậm do anh **Phạm Văn H** đại diện hộ (lúc đó hộ khẩu của vợ chồng chỉ có vợ chồng và đứa con tên Phạm Thị Phương T chứ chưa có đứa con tên Nguyễn Thanh T mà đến năm 2013 mới sinh Tuấn) với giá 13.950.000đ, thời hạn trả là 10 năm kể từ khi mua, trong đó 05 năm đầu ân hạn chưa phải trả, bắt đầu trả từ năm thứ 6 kể từ thời điểm mua tức ngày 16 tháng 11 năm 2017, mức trả tối thiểu một năm bằng 20%/tổng giá trị tiền mua nền nhà, không phải trả lãi suất và theo Quyết định số 5059 ngày 15-7-2013 về việc giao đất có thu tiền, số tiền phải trả là 15.750.000đ (theo Quyết định số 7078 thì diện tích là 77,5m^2 số tiền 13.950.000đ nhưng theo Quyết định số 5059 thì diện tích là 87,5m^2, có bán thêm 10m^2 ở phía sau nền nhà, vì vậy số tiền là 15.750.000đ), cách thức trả như trong Quyết định số 7078. Như vậy, thời hạn bắt đầu trả lần thứ nhất là ngày 16-11-2017 đến ngày 16-11-2021

là dứt điểm (mỗi năm trả 3.150.000đ). Vào ngày 30 tháng 3 năm 2017 đã trả được năm thứ nhất là 3.150.000đ (có biên lai thu). Như vậy còn lại 4 lần trả của các năm 2018, 2019, 2020, 2021 chưa đến hạn trả.

2. Gắn liền nền đất trên đây là căn nhà diện tích 60m^2 (ngang 4m, dài 15m), kết cấu nhà tường, cột kèo đòn tay bằng gỗ, mái tole, vách tường, nền đất + lót gạch, vào ngày 20-01-2012 anh Hoàng đại diện hộ (lúc đó hộ khẩu của vợ chồng chỉ có vợ chồng và đứa con tên Phạm Thị Phương T chứ chưa có đứa con tên Nguyễn Thanh T mà đến năm 2013 mới sinh Nguyễn Thanh T) ký sổ vay tiền với Phòng giao dịch NHCSXH huyện PT 20.000.000đ, lãi suất trong hạn 0,25%/tháng, lãi suất quá hạn 0,325%/tháng, mục đích vay để xây dựng căn nhà trên đây, thời hạn trả là 05 năm cuối bắt đầu vào ngày 200-01-2018 đến ngày 20-01-2022, mỗi năm trả vốn 4.000.000đ và lãi. Như vậy, thời hạn bắt đầu trả lần thứ nhất là ngày 20-01-2018 đến ngày 20-01-2022 là dứt điểm, đến nay chưa đến hạn trả. Trên đất có các cây lâu năm, cây kiển và cây ăn trái do vợ, chồng trồng.

Nền đất và căn nhà trên đây tôi đang quản lý, sử dụng.

3. Tài sản nội thất gồm có:

- 01 tủ thờ bằng gỗ, có kiếng. (tôi quản lý)
- 01 bộ ngựa bằng gỗ. (tôi quản lý)
- 01 xe đạp đầm lớn còn sử dụng được. (tôi quản lý)
- 01 xe đạp đòn dong tôi đã bán giá 180.000đ .
- 01 thùng xe lôi (Ông Pham Văn H quản lý)
- 01 bếp ga đôi hiệu Rainnin và 01 bình ga (tôi quản lý)
- 01 ti vi 21 inch hiệu Sam (tôi quản lý)
- 01 đầu đĩa DVD hiệu MPEG4 (tôi quản lý)
- 01 tủ áo bằng nhôm có kiến.
- 01 giường ngủ bằng sắt, vạt bằng gỗ (tôi quản lý)
- 01 giường ngủ bằng sắt, vạt bằng gỗ tôi đã bán giá 200.000đ.

Ngoài ra, không còn tài sản và nợ phải thu, phải trả nào khác.

Theo đơn yêu cầu ngày 26-7-2016; bản tự khai các ngày 25-7-2016, 26-12-2016; biên bản hòa giải các ngày: 26-12-2016, 14-4-2017, 14-7-2017; tờ thỏa thuận ngày 27-12-2016 và lời khai tại phiên tòa thì anh Phạm Văn H trình bày:

Tôi và chị H chính thức là vợ chồng vào 25-10-2002, được cha mẹ hai bên đồng ý, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tôi thường nhậu nhẹt, chị H có những lời lẽ xúc phạm, chửi mắng giữa đông người, chị H quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, bức xúc tôi có đánh đập chị H và chính quyền xử phạt hành chính bằng hình

thức phạt tiền; tôi có quan hệ tình cảm sinh lý với người phụ nữ khác không cố định mà hình thức qua đường, chính thức ly thân từ ngày 22-12-2015 âl đến nay.

Về con chung: có 02 đứa tên Phạm Thị Phương T, sinh ngày 06-10-2003 đang sống với tôi và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 29-8-2013 đang sống với chị H.

Về nợ phải thu: không có.

Về tài sản và nợ phải trả:

1. Một nền đất diện tích 77,5m^2 (ngang 5m dài 15,5m) tọa lạc tuyến dân cư PM-PT (lô 8, nền 40 thuộc ấp T1, thị trấn PM, huyện PT). Theo Quyết định số 7078 ngày 16/11/2011 của UBND huyện PT về việc bán nền nhà ở trả chậm do tôi đại diện hộ (lúc đó hộ khẩu của vợ chồng chỉ có vợ chồng và đứa con tên Phạm Thị Phương T chứ chưa có đứa con tên Nguyễn Thanh T mà đến năm 2013 mới sinh ra Tuấn) với giá 13.950.000đ, thời hạn trả là 10 năm kể từ khi mua, trong đó 05 năm đầu ân hạn chưa phải trả, bắt đầu trả từ năm thứ 6 tức ngày 16/11/2017, mức trả tối thiểu một năm bằng 20%/tổng gía trị tiền mua nền nhà, không phải trả lãi suất và theo Quyết định số 5059 ngày 15/7/2013 về việc giao đất có thu tiền, số tiền phải trả là 15.750.000đ (theo Quyết định số 7078 thì diện tích là 77,5m^2 số tiền 13.950.000đ nhưng theo Quyết định số 5059 thì diện tích là 87,5m^2, có bán thêm 10m^2 ở phía sau nền nhà, vì vậy số tiền là 15.750.000đ), cách thức trả như trong Quyết định số 7078. Như vậy, thời hạn bắt đầu trả lần thứ nhất là ngày 16-11-2017 đến ngày 16-11-2021 là dứt điểm (mỗi năm trả 3.150.000đ).

2. Gắn liền nền đất trên đây là căn nhà diện tích 60m^2 (ngang 4m, dài 15m), kết cấu nhà tường, cột kèo đòn tay bằng gỗ, mái tole, vách tường, nền đất + lót gạch (vào ngày 20/01/2012 tôi đại diện hộ (lúc đó hộ khẩu của vợ chồng chỉ có vợ chồng và đứa con tên Phạm Thị Phương T chứ chưa có đứa con tên Nguyễn Thanh T mà đến năm 2013 mới sinh ra Nguyễn Thanh T.) ký sổ vay tiền với Phòng giao dịch NHCSXH huyện PT 20.000.000đ, lãi suất trong hạn 0,25%/tháng, lãi suất quá hạn 0,325%/tháng, mục đích vay để xây dựng căn nhà trên đây, thời hạn trả là 05 năm cuối bắt đầu vào ngày 20-01-2018 đến ngày 20-01-2022, mỗi năm trả vốn 4.000.000đ và lãi. Như vậy, thời hạn bắt đầu trả lần thứ nhất là ngày 20-01-2018 đến ngày 20-01-2022 là dứt điểm. Nền đất và căn nhà trên đây chị H đang quản lý sử dụng.

3. Tài sản nội thất gồm có:

- 01 tủ thờ bằng gỗ, có kiếng (chị H quản lý).

- 01 bộ ngựa bằng gỗ (chị H quản lý)

- 01 xe đạp đầm lớn còn sử dụng được (chị H quản lý).

- 01 xe đạp đòn dong chị H đã bán.

- 01 thùng xe lôi (tôi quản lý).

- 01 bếp ga đôi hiệu Rainnin và 01 bình ga (chị H quản lý).

- 01 ti vi 21 inch hiệu Sam (chị H quản lý).

- 01 đầu đĩa DVD hiệu MPEG4 (chị H quản lý).

- 01 tủ áo bằng nhôm có kiến (chị H quản lý).

- 01 giường ngủ bằng sắt, vạt bằng gỗ (chị H quản lý).

- 01 giường ngủ bằng sắt, vạt bằng gỗ chị H đã bán giá 200.000đ.

Ngoài ra, không còn tài sản và nợ phải thu, phải trả nào khác.

Theo đơn khởi kiện ngày 28-11-2016; bản tự khai ngày 29-11-2016; biên bản hòa giải ngày: 26-12-2016, thì ông Lê Văn T trình bày: Vào ngày 20/01/2012 ông H đại diện hộ ký sổ vay tiền với Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện PT 20.000.000đ, lãi suất trong hạn 0,25%/tháng, lãi suất quá hạn 0,325%/tháng, mục đích vay để xây dựng căn nhà trên nền đất UBND huyện PT bán cho vợ, chồng trả chậm ở tuyến dân cư PM-PT, thời hạn trả là 05 năm cuối bắt đầu vào ngày 20/01/2018 đến ngày 20/01/2022, mỗi năm trả vốn 4.000.000đ và lãi. Như vậy, thời hạn bắt đầu trả lần thứ nhất là ngày 20/01/2018 đến ngày 20/01/2022 dứt điểm.

Theo các bản tự khai và các biên bản hòa giải các ngày: 26-12-2016, 14-4-2017, 14-7-2017 thì ông Quách Hoàng L trình bày: UBND huyện PT có bán cho vợ, chồng anh Phạm Văn H, chị H một nền đất diện tích 77,5m^2 (ngang 5m dài 15,5m) tọa lạc tuyến dân cư PM-PT (lô 8, nền 40 thuộc ấp T1, thị trấn PM, PT). Theo Quyết định số 7078 ngày 16/11/2011 của UBND huyện PT về việc bán nền nhà ở trả chậm do anh H đại diện hộ, giá 13.950.000đ, thời hạn trả là 10 năm kể từ khi mua, trong đó 05 năm đầu ân hạn chưa phải trả. Thời hạn bắt đầu trả là ngày 17/11/2016 đến ngày 16/11/2017 phải trả dứt điểm năm đầu tiên 20% của gía trị nền nhà, không phải trả lãi suất và theo Quyết định số 5059 ngày 15/7/2013 về việc giao đất có thu tiền, số tiền phải trả là 15.750.000đ (theo Quyết định số 7078 thì diện tích là 77,5m^2 số tiền 13.950.000đ nhưng theo Quyết định số 5059 thì diện tích là 87,5m^2, có bán thêm 10m^2 ở phía sau nền nhà. Theo lịch trả mua nền nhà lần đầu tiên đáng lẽ sẽ thực hiện vào 16/11/2017 nhưng vào ngày 30 tháng 3 năm 2017 chị H đã tự nguyện trả được 3.150.000đ như vậy còn 04 lần phải trả là vào 04 năm 2018, 2019, 2020, 2021 là 12.600.000đ đến nay chưa đến hạn trả.

Chị H yêu cầu:

- Về hôn nhân: Được ly hôn với anh Phạm Văn H.

- Về con chung: Đồng ý cho anh Phạm Văn H nuôi dưỡng đứa con tên Phạm Thị Phương T, sinh ngày 06/10/2003 và tôi được tiếp tục nuôi Nguyễn Thanh T, sinh ngày 29/8/2013; không phải cấp dưỡng lẫn nhau.

- Vê tài sản chung và nợ phải trả:

+ Đối với nợ UBND huyện PT số và nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện PT hiện nay chưa đến hạn trả vì vậy không phải trả trong vụ án này, mà sau này đến hạn trả tôi và anh Phạm Văn H cùng chịu trách nhiệm trả.

+ Đối với căn nhà và nền đất gắn liền là những tài sản có được từ việc vay tiền của NHCSXH và mua nền đất ở trả chậm của UBND huyện PT, do chưa trả dứt nợ cho hai nơi này, vì vậy không chia ngay những tài sản đó mà sau khi trả dứt nợ thì giữa tôi và anh Phạm Văn H sẽ thỏa thuận với nhau về cách chia, nếu không được thì phát đơn kiện yêu cầu Tòa án giải quyết và được tiếp tục ở trong căn nhà. Số cây trên đất và tài sản nội thất đã được đoàn định giá thì thống nhất với giá đã định, yêu cầu chia nhận hiện vật và chia lại bằng tiền là ½ giá trị cho anh Phạm Văn H.

Tuy, ngày hôm nay tôi có thỏa thuận với anh Phạm Văn H là giao toàn bộ tài sản cho anh Phạm Văn H hưởng hiện vật và Phạm Văn H trả nợ cho UBND huyện PT và Phòng giao dịch NHCSXH huyện PT, đồng thời chia lại số tiền 55.000.000 đồng, nhưng nay tôi thay đổi yêu cầu và giữ y như yêu cầu trên đây.

Anh Phạm Văn H yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn.

- Về con chung: đồng ý nuôi dưỡng đứa con tên Phạm Thị Phương T, sinh ngày 06/10/2003 và đồng ý cho chị H được tiếp tục nuôi Nguyễn Thanh T, sinh ngày 29/8/2013; không phải cấp dưỡng lẫn nhau.

- Vê tài sản chung và nợ phải trả:

+ Đối với nợ UBND huyện PT và nợ Phòng giao dịch NHCSXH huyện PT sẽ trả đứt điểm vào thời hạn 01 tháng kể từ ngày lập biên bản này; tổng số tiền tài sản chung theo đoàn định sẽ khấu trừ số tiền trả nợ trên, còn lại sẽ chia lại số tiền 55.000.000 đồng cho chị H vào ngày 14-9-2017 (đáng lẻ phải chia giá trị thành tiền cho chị H là 75.000.000 đồng nhưng tôi hứa sẽ trả cho UBND huyện và NHCSXH phòng giao dịch PT nên trừ vào số tiền tài sản chung).

Ông L yêu cầu: Tuy chị H và Phạm Văn H còn thiếu tiền mua nền nhà ở trả chậm nhưng hiện nay chưa đến hạn trả, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết mà rút yêu cầu, nếu sau đó đến hạn không trả thì UBND huyện phát đơn khởi kiện sau.

Ông T yêu cầu: Tuy hiện nay vợ, chồng của chị H và Phạm Văn H còn thiếu NHCSXH phòng giao dịch huyện PT số tiền vay xây dựng nhà ở tuyến dân cư nhưng chưa đến hạn trả mà đến ngày 20/01/2018 mới đến hạn trả năm đầu tiên, vì vậy không yêu cầu trong vụ án nầy và sẽ rút yêu cầu. Đến hạn nếu không trả thì lúc đó Ngân hàng sẽ kiện chị H và Phạm Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

Về hình thức, thủ tục tố tụng :

[1] Các ông Quách Hoàng L và ông Lê Văn T có yêu cầu xét xử vắng mặt (bút lụt các số 58 và 64). Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các ông.

[2] Theo Quyết định số 1792/QĐ-NHCS ngày 09-6-2015 của NHCSXH về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án (bút lục các số 59 và 60) thì:

- Giám đốc phòng giao dịch cấp huyện có thể ủy quyền lại cho một phó giám đốc.

- Giám đốc phòng Giao dịch cấp huyện có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho phó Giám đốc ký đơn khởi kiện.

Đối chiếu quy định trên cho thấy: Giấy ủy quyền lập ngày 28-11-2016 do Giám đốc phòng giao dịch NHCSXH huyện PT Nguyễn Ngọc Bửu C ký ủy quyền cho phó giám đốc Lê Văn T tham gia tố tụng (bút lục số 62) và đơn khởi kiện làm ngày 28-11-2016 do Giám đốc phòng giao dịch NHCSXH huyện PT Nguyễn Ngọc Bửu C ký (bút lục số 14) là hoàn toàn phù hợp.

[3] Bà Nguyễn Ngọc Bửu C có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện (bút lục số 13) và ông L rút yêu cầu, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ.

[4] Con chung của chị H và Phạm Văn H có 02 đứa tên Phạm Thị Phương T, sinh ngày 06-10-2003 đang sống với Phạm Văn H và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19-8-2013 đang sống với chị H. HĐXX xét thấy 02 cháu đều chưa thành niên, vì vậy anh Phạm Văn H đại diện theo pháp luật cho cháu Phạm Thị Phương T và chị H đại diện theo pháp luật cho cháu T là phù hợp tại khoản l Điều 136 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] UBND huyện PT do ông Quánh Hoàng L đại diện theo ủy quyền (bút lục 61) là phù hợp tại khỏan 4 Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Theo thông báo bổ sung về việc thụ lý vụ án số 115A/TB-TLVA ngày 29-11-2016 (bút lục số 37) thì UBND huyện PT do ông Phan Văn C phó chủ tịch đại diện theo ủy quyền. HĐXX xét thấy theo giấy ủy quyến số 39/GUQ-UBND ngày 15-6-2016 của UBND huyện PT (bút lục 61) thì UBND huyện PT ủy quyền cho ông Quách Hoàng L, vì vậy vào ngày 07-12-2016 Tòa án nhân dân huyện PT ra thông báo số 116/2016/TB-TA (bút lục số 48) nội dung là thông báo lại không phải do ông Phan Văn C đại diện mà do ông Quách Hoàng L đại diện theo ủy quyền .

[7] Theo Quyết định tạm đình chỉ số 266/2016/QĐST-DS ngày 19-9-2016 của Tòa án nhân dân huyện PT (bút lục số 92) thì:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1981. Hộ khẩu thường trú ấp T2, thị trấn PM, PT, có nhà và sinh sống tại ấp T1, thị trấn PM, PT.

- Bị đơn: Phạm văn H sinh năm 1984. Hộ khẩu thường trú ấp T2, thị trấn PM, PT, có nhà và sinh sống tại ấp T1, thị trấn PM, PT. Tạm trú tại ấp T2, thị trấn PM, PT.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

+ UBND huyện PT. Do ông Quách Hoàng L, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện PT đại diện theo ủy quyền.

+ Phạm Thị Phương T, sinh ngày 06/10/2003. Ngụ ấp T2, thị trấn PM, PT, An Giang. Do cha ruột là Phạm Văn H, sinh năm 1984 đại diện theo pháp luật.

Theo Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 28/2016/QĐST-DS, ngày 13-10-2016 của Tòa án nhân dân huyện PT (bút lục 98) thì:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1981. Hộ khẩu thường trú ấp T2, thị trấn PM, PT, có nhà và sinh sống tại ấp T1, thị trấn PM, PT.

- Bị đơn: Phạm văn H sinh năm 1984. Hộ khẩu thường trú ấp T2, thị trấn PM, PT, An Giang, có nhà và sinh sống tại ấp T1, thị trấn PM, PT, An Giang. Tạm trú tại ấp T2, thị trấn PM, PT, An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

+ UBND huyện PT. Do ông Phan Văn C, chức vụ phó chủ tịch đại diện theo ủy quyền.

Như vậy Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 28/2016/QĐST-DS, ngày 13-10-2016 đã chưa đầy đủ và thiếu xót, vì vậy vào ngày 20-10-2016 TAND huyện PT ra thông báo số 08/2016/TB-TA (bút lục số 39), nội dung: nay thông báo lại đầy đủ như sau:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mỹ H, sinh 1981. Hộ khẩu thường trú ấp T2, thị trấn PM, PT, An Giang, có nhà và sinh sống tại ấp T1, thị trấn PM, PT, An Giang.

- Bị đơn: Phạm văn Hoàng sinh năm 1984. Hộ khẩu thường trú ấp T2, thị trấn PM, PT, An Giang, có nhà và sinh sống tại ấp T1, thị trấn PM, PT, An Giang. Tạm trú tại ấp T2, thị trấn PM, PT, An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

+ UBND huyện PT. Do ông Quách Hoàng L, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện PT đại diện theo ủy quyền.

+ Phạm Thị Phương T, sinh ngày 06/10/2003. Ngụ ấp T2, thị trấn PM, PT, An Giang. Do cha ruột là Phạm Văn H, sinh năm 1984 đại diện theo pháp luật.

[8] Trong đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ H (bút lục 18) thì chị và anh Phạm Văn H ngụ ấp cái Tắc (Tuyến dân cư PM-PT), thị trấn PM, PT, An Giang. Đến ngày 13-6-2016 chị H có đơn bổ sung địa chỉ của chị và anh Phạm Văn H (bút lục số 10) như sau:

- Địa chỉ của chị H: Hộ khẩu thường trú ấp T2, thị trấn PM, PT, An Giang. Có nhà và sinh sống tại ấp T1, thị trấn PM, PT, An Giang..

- Địa chỉ của anh PHạm Văn H: Hộ khẩu thường trú ấp T2, thị trấn PM, PT, An Giang. Tạm trú và sinh sống tại nhà của cha, mẹ ruột thuộc ấp T2, thị trấn PM, PT, An Giang.

- Ngày 13-6-2016 Tòa án nhân dân huyện PT ra thông báo số 03/2016/TB-TA về việc thông báo chị H và anh Phạm Văn H có địa chỉ trên đây (bút lục 10A).

Về nội dung:

[1] Chị H và anh Phạm Văn H thành vợ chồng vào văm 2002 và chung sống đến năm 2015 thì ly thân, có thời gian chung sống 13 năm, cả hai đều đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo luật định nhưng anh, chị không thực hiện, đáng lẽ phải đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời tại điểm c, khỏan 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09-6-2000 của Quốc hội quy định " Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khỏan 3 của Nghị quyết nầy, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng…". Do đó, HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H với anh Phạm Văn H.

[2] về con chung: Có 02 con tên Phạm Thị Phương T, sinh ngày 06/10/2003 đang sống với anh Phạm Văn H và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 29/8/2013 đang sống với chị H. Được giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội và tại Điều 15 Luật hôn nhân – gia đình. Theo biên bản hòa giải ngày 14-7-2017 của Tòa án nhân dân huyện PT (bút lục 200 và 201) thì anh chị đều yêu cần giữ y như trường hợp trên đây và không phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, HĐXX công nhận sự thỏa thuận của anh, chị.

[3] Về tài sản và nợ phải trả, được giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội và tại Điều 16 Luật hôn nhân – gia đình như sau:

- Vào năm 2013 UBND huyện PT bán trả chậm cho anh Phạm Văn H, chị H 01 nền đất ở tuyến dân cư PM-PT, huyện PT, An Giang giá 15.750.000đ theo Quyết định số 5059 ngày 15-7-2013 của UBND huyện PT do anh Phạm Văn H đứng tên thời hạn trả là 5 năm mỗi năm trả 20% đến khi dứt số tiền trên. Bắt đầu thực hiện năm thứ nhất vào ngày 16-11-2017. Như vậy đến thời điểm này là chưa đến hạn trả, hơn nữa ông L đại diện UBND huyện PT rút yêu cầu vì chưa đến hạn trả mà sau đó nếu đến hạn không trả thì UBND huyện PT sẽ khởi kiện, vì vậy đình chỉ yêu cầu trên đây. Mặc dù, HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Văn H với chị H nhưng sau này không trả tiền đúng theo quy định hoặc UBND huyện PT khởi kiện thì anh chị vẫn phải cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ, đồng thời 02 con của anh chị là Phạm Thị Phương T và cháu T hiện nay do anh chị đại diện cũng

phải cùng chịu trách nhiệm vì theo Quyết định của UBND huyện PT thì bán cho hộ anh Phạm Văn H. Từ đó cho thấy nền đất trên đây tuy hiện nay anh, chị đang quản lý sử, dụng nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa đến hạn trả dứt điểm tiền cho UBND huyện PT, vì vậy không thể phân chia trong vụ án này mà sau đó nếu trả dứt tiền thì đó là tài sản chung của anh, chị có quyền tự phân chia, nếu không được thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Gắn liền nền đất là căn nhà của anh, chị theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13-4-2016 (bút lục 161) của Tòa án nhân dân huyện PT thì đặc điểm căn nhà nền lát gạch men và gạch tàu, khung cột xây gạch, vách xây tường, đòn tay gỗ tạp, mái tole sóng vuông, ngang 4m, dài 10m, mái che sau nhà có nhà vệ sinh, nền đất, khung, cột, kèo gỗ tạp, vách tole, mái tole sóng tròn ngang 5m dài 3m5. Khi xây dựng căn nhà anh chị có vay của NHCSXH phòng giao dịch PT 20.000.000đ vào ngày 20-01-2013 do anh Phạm Văn H đại diện đứng tên vay, lãi suất trong hạn 0,25%/tháng, quá hạn 0,35%/tháng, thời hạn trả là 5 năm bắt đầu thực hiện năm thứ nhất vào ngày 20-01-2018 đến ngày 20-01-2022, mỗi năm trả vốn 4.000.000đ và tiền lãi. Như vậy đến thời điểm này là chưa đến hạn trả, hơn nữa NHCSXH rút yêu cầu, vì chưa đến hạn trả mà sau đó nếu đến hạn không trả thì sẽ khởi kiện, do đó đình chỉ yêu cầu trên đây, tại phiên tòa chị H khai có trả tiền lãi cho Ngân hàng 100.437đồng và cung cấp biên lai thu lãi ngày 19-4-2017 của Ngân hàng và tiền vốn vẫn còn thiếu 20.000.000đ là phù hợp theo. Mặc dù HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Văn H với chị H nhưng sau này đến hạn không trả tiền đúng theo quy định hoặc Ngân hàng khởi kiện thì anh, chị vẫn phải cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ, đồng thời 02 con của anh chị là Phạm Thị Phương T và cháu T hiện nay do anh, chị đại diện cũng phải cùng chịu trách nhiệm vì ông Phạm Văn H đại diện hộ. Từ đó, cho thấy số tiền vay trên đây hiện nay chưa đến hạn trả, vì vậy không thể phân chia căn nhà trong vụ án nầy mà sau đó nếu trả dứt tiền thì đó là tài sản chung của anh, chị có quyền tự phân chia, nếu không được thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết .

Anh Phạm Văn H và chị H đều yêu cầu được ở trong căn nhà và nền đất trên đây. HĐXX xét thấy từ khi ly thân đến nay chị H và đứa con tên Nguyễn Thanh T trực tiếp ở, anh Phạm Văn H thì về nhà cha, mẹ ruột ở và hiện nay đi nơi khác làm ăn, sinh sống, hơn nửa chị H là phụ nữ và đang nuôi con nhỏ không có nơi ở nào khác, vì vậy nên cho chị được tiếp tục tạm ở đến khi trả dứt số tiền cho UBND huyện PT và Ngân hàng thì anh chị có quyền thỏa thuận tự phân chia, nếu không được thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản hòa giải ngày 14-7-2017 của Tòa án nhân dân huyện PT thì anh Phạm Văn H còn yêu cầu: Đối với nợ UBND huyện PT và nợ Phòng giao dịch NHCSXH huyện PT sẽ trả đứt điểm vào thời hạn 01 tháng kể từ ngày lập biên bản này; tổng số tiền tài sản chung theo đoàn định giá sẽ khấu trừ số tiền trả nợ trên, còn lại sẽ chia lại số tiền 55.000.000 đồng cho chị H vào ngày 14-9-2017 (đáng lẻ phải chia giá trị thành tiền cho chị H là 75.000.000 đồng nhưng tôi hứa trả cho UBND huyện và NHCS nên trừ vào số tiền tài sản chung). Chị H yêu cầu: Tuy, ngày hôm

nay tôi có thỏa thuận với anh Phạm Văn H là giao toàn bộ tài sản cho anh Phạm Văn H hưởng hiện vật và Phạm Văn H trả nợ cho UBND huyện PT và nợ Phòng giao dịch NHCSXH huyện PT đồng thời chia lại cho tôi số tiền 55.000.000 đồng, nhưng nay tôi thay đổi yêu cầu giữ y như yêu cầu trên đây. HĐXX, xét thấy các yêu cầu trên đây của các đương sự chưa được quy định trong Quyết định hoặc bản án đã có hiệu lực pháp luật mà mới chỉ ghi nhận qua biên bản hòa giải, thì họ có quyền thay đổi hoặc bổ sung yêu cầu, vì vậy anh Phạm Văn H không thể buộc chị H phải thực hiện giữ y yêu cầu.

Theo biên bản hòa giải ngày 14-4-2017 của Tòa án nhân dân huyện PT (bút lục các số 182, 183, 184) và tại phiên Tòa thì chị H và anh Phạm Văn H thông nhất khai tài sản nội thất sau đây và theo biên bản định giá ngày 08-5-2017 (bút lục 167 và 168) thể hiện:

- 01 tủ thờ bằng gỗ, có kiếng, ngang 1,3m, dài 0,45m, cao 1,3m (chị H quản lý), giá 800.000 đồng.

- 01 bộ ngựa bằng gỗ, ngang 1,4m, dài 2m (chị H quản lý), giá 200.000đ.

- 01 xe đạp đầm lớn còn sử dụng được (chị H quản lý), giá 300.000đ.

- 01 xe đạp đòn dong chị H đã bán gía 180.000đ

- 01 thùng xe lôi (anh Phạm Văn H quản lý), giá 1.000.000đ.

- 01 bếp ga đôi hiệu Rainnin và 01 bình ga (chị H quản lý), giá 1.200.000đ

- 01 ti vi 21 inch hiệu Sam (chị H quản lý), giá 300.000đ.

- 01 đầu đĩa DVD hiệu MPEG4 (chị H quãn lý), giá 500.000đ.

- 01 tủ áo bằng nhôm có kiến, ngang 1,4m, cao 1,84, rọng 0,5m (chị H quản lý), giá 500.000đ.

- 01 giường ngủ bằng sắt, vạt bằng gỗ, ngang 1,45, dài 2,05m (chị H quản lý), giá 300.000đ.

- 01 giường ngủ bằng sắt, vạt bằng sắt chị H đã bán giá 200.000đ.

- 08 cây bạch đàng, giá trị 975.000đ; 01 cây xoài, giá trị 400.000đ và 01 cây mai kiển, giá trị 200.000đ (Chị H quản lý, sử dụng). Cộng chung = 1.175.000đ.

Tổng số 12 loại tài sản. Trong đó :

- Chị H quản lý 09 loại, tổng giá trị = 5.275.000đ (800.000đ + 200.000đ + 300.000đ + 1.200.000đ + 300.000đ + 500.000đ + 500.000đ + 300.000đ + 1.175.000đ) và 02 loại tài sản chị đã bán = 380.000đ (180.000đ + 200.000đ).

Tổng số tiền của giá trị hiện vật chị H đang quản lý, sử sụng và số tiền chị đã bán hiện vật = 5.655.000đ (5.275.000đ + 380.000đ).

- Anh Phạm Văn H quản lý chiếc xe lôi trị giá 1.000.0000đ.

Tổng giá trị tài sản và số tiền anh Phạm Văn H, chị H quản lý = 6.655.000đ (5.655.000đ + 1.000.000đ) tại phiên tòa anh Phạm Văn H và chị H thống nhất yêu cầu chia đôi, mỗi người 3.327.500đ. Cách thức phân chia là hiện nay người nào quản lý tài sản thì được tiếp tục hưởng bằng hiện vật và chia lại bằng tiền giá trị chênh lệch cho bên kia. Như vậy chị H phải chia thêm cho anh Phạm Văn H 2.327.500đ.

[4] Theo tờ thỏa thuận ngày 27-12-2016 (bút lục 66) và tại phiên tòa thì chị H và anh Phạm Văn H thống nhất khai:

- Chị H khai trong thời gian chung sống, anh Phạm Văn H đã bán Amly giá 500.000đ, anh Phạm Văn H không thừa nhận bán. Nay anh chị thống nhất là không có âm ly và không yêu cầu anh Hoàng phải có trách nhiệm chia số tiên trên, vì vậy HĐXX không xem xét.

- Chị H khai anh Phạm Văn H bán chiếc xe hon đa giá 12.500.000đ, anh Phạm Văn H thừa nhận có bán xe. Nay chị H không yêu cầu anh Phạm Văn H phải có trách nhiệm chia số tiên trên, vì vậy HĐXX không xem xét.

- Anh Phạm Văn H khai có vay 25.000.000đ ở nơi khác nhưng không cung cấp được cho Tòa án, vì không biết họ, tên và địa chỉ của người cho vay để mua chiếc xe hon đa đã bán trên đây và vay của Ngân hàng tại tỉnh Bình Dương nhưng không biết tên Ngân hàng và địa chỉ, vì vậy không thể cung cấp cho Tòa án. Nay, anh không yêu cầu chị H cùng chịu trách nhiệm. HĐXX, xét thấy đây là nợ phải trả, đáng lẽ phải làm rõ xem nợ bao nhiêu, cụ thể nợ của ai, và đây là nợ chung hay nợ riêng, chỉ riêng anh Phạm Văn H chịu trách nhiệm hay cả anh Phạm Văn H lẫn chị H cùng chịu trách nhiệm trả nợ, nhưng chính anh Phạm Văn H khai không biết họ, tên người cho vay và tên Ngân hàng, đồng thời không biết địa chỉ nên không cung cấp cho Tòa án, vì vậy không thể biết để đưa họ tham gia tố tụng với tư cách là người liên quan, nhưng sau này nếu có người kiện và có căn cứ đây là nợ chung thì anh, chị phải cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ.

[5] Về chi phí tố tụng:

- Anh Phạm Văn H nộp tạm ứng chì phí xem xét thẩm định tại chổ và định giá 1.500.000đ (bút lục số 136). Số tiền tiền này đã chi xuất hết phục vụ các công việc trên (bút lục các số 162, 163, 166). HĐXX, xét thấy tài sản chung của anh Phạm Văn H chị H được chia đôi, vì vậy anh Phạm Văn H chịu một nữa, còn một nữa chị H phải chịu, theo quy định tại khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, chị H phải hoàn trả lại cho anh Phạm Văn H 750.000đ.

[6] Ngày 24-8-2016 chị H nộp tạm ứng chí phí định giá 1.500.000đ, đến ngày 05-10-2016 chị đã nhận lại (bút lục 135), như vậy không phải hoàn trả lại cho chị.

[7] Về chi phí khác: Theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0002702 ngày 29-6-2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh PT thì anh Phạm Văn H đã nộp chi phí đo đạc đất nền nhà 851.400.000đ (bút lục 134) chị H phải hoàn trả lại cho anh Phạm Văn H 425.700đ.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị H phải chịu án phí về việc hoàn trả lại chi phí tố tụng cho anh Phạm Văn H là 200.000đ và về việc chị xin ly hôn 200.000đ. Chị H, anh Phạm Văn H mỗi người phải chịu án phí đối với giá trị tài sản mà mình được hưởng là 200.000đ. Theo quy định tại các khoản 2, 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 và các khoản 8, 9 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27-02-2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Hôn nhân của chị H và anh Phạm Văn H không đăng ký kết hôn, đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng, về quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản và nghĩa vụ trả nợ cho UBND huyện PT và Ngân hàng đề nghị xem xét theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1, Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 16; khoản 1 Điều 51; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 136 Bộ luật dân sự;

- Các khỏan 2 và 4 Điều 85; các khoản 2 và 4 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 165; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09-6-2000 của Quốc hội;

- Các khoản 8 và 9 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27-02-2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

- Đình chỉ về việc Ngân hàng chính sách xã hội đòi chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Phạm Văn H trả tiền vay xây dựng nhà, do chưa đến hạn trả nợ vay.

- Đình chỉ về việc Ủy ban nhân dân huyện PT đòi chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Phạm Văn H trả tiền mua nền nhà ở trả chậm, do chưa đến hạn trả.

- Không công nhận quan hệ vợ, chồng giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H với anh Phạm Văn H.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H với anh Phạm Văn H về việc nuôi dưỡng con như sau:

+ Anh Phạm Văn H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đứa con tên Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 06-10-2003.

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đứa con tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 29-8-2013.

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Phạm Văn H không phải cấp dưỡng lẫn nhau về việc nuôi con, nhưng anh, chị không được ngăn cảng mà phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh, chị đến thăm nom, giáo dục con.

+ Việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên không cố định.

- Về quan hệ tài sản:

+ Chị Phạm Văn H được tiếp tục hưởng số tiền mặt từ việc bán tài sản và số tài sản bằng hiện vật mà chị đang quản lý sử dụng sau đây:

01 tủ thờ bằng gỗ, có kiếng, ngang 1,3m, dài 0,45m, cao 1,3m, giá 800.000đ (tám trăm ngàn đồng chẵn).

01 bộ ngựa bằng gỗ, ngang 1,4m, dài 2m, giá 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng chẵn).

01 xe đạp đầm lớn còn sử dụng được, giá 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn

01 bếp ga đôi hiệu Rainnin và 01 bình ga, gía 1.200.000đ (Một triệu, hai trăm ngàn đồng chẵn).

01 ti vi 21 inch hiệu Sam, giá 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn).

01 đầu đĩa DVD hiệu MPEG4, giá 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng chẵn).

01 tủ áo bằng nhôm có kiến, ngang 1,4m, cao 1,84, rộng 0,5m, giá 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng chẵn).

01 giường ngủ bằng sắt, vạt bằng gỗ, ngang 1,45, dài 2,05m, giá 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn).

08 cây bạch đàng, giá trị 975.000đ; 01 cây xoài, giá trị 400.000đ và 01 cây mai kiển, giá 200.000đ Cộng chung = 1.175.000đ (Một triệu, một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn).

Tiền mặt 380.000đ (ba trăm, tám chục ngàn đồng chẵn) từ việc chị bán tài sản gồm xe đạp đòn dong và giường ngủ bằng sắt.

+ Anh Phạm Văn H được tiếp tục hưởng số tài sản bằng hiện vật mà anh đang quản lý sử dụng 01 thùng xe lôi, giá 1.000.000đ (Một triệu đồng chẵn).

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải giao cho anh Phạm Văn H số tiền do giá trị tài sản chênh lệch 2.327.500đ (Hai triệu, ba trăm, hai mươi bảy ngàn, năm trăm đồng chẵn).

- Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải hoàn trả lại cho anh Phạm Văn H chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá 750.000đ (Bảy trăm ngàn đồng chẵn) và chí phí ký hợp đồng đo đạc 425.700đ (Bốn trăm, hai mươi lăm ngàn, bảy trăm đồng chẵn). Cộng chung = 1.175.700đ (Một triệu, một trăm, bảy mươi lăm ngàn, bảy trăm đồng chẵn).

- Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải giao cho anh Phạm Văn H tổng số tiền từ việc chia tài sản và các khoản chi phí tố tụng = 3.503.200đ (2.327.500đ + 1.175.700đ) (Ba triệu, năm trăm, lẽ ba ngàn, hai trăm đồng chẵn).

- Chị Nguyễn Thị Mỹ H được tạm tiếp tục quản lý, sử dụng ở trong căn nhà và diện tích đất sau đây đến khi trả dứt nợ cho Ủy ban nhân dân huyện PT và Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện PT:

Căn nhà nền lát gạch men và gạch tàu, khung cột xây gạch, vách xây tường, đòn tay gỗ, mai tole sóng vuông, ngang 4m, dài 10m và mái che sau nhà, nền đất, khung, cột, kèo gỗ tạp, vách tole, mái tole sóng tròn, ngang 5m, dài 3,5m. Gắn liền diện tích đất 87,5 m^2 theo sơ đồ hiện trạng khu đất lập ngày 09-5-2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh PT thuộc lô 8 nền 40 tờ bản đồ số 3, thửa số 209 loại đất ONT tuyến dân cư PM-PT, huyện PT, tỉnh An Giang.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí về việc xin ly hôn 200.000đ (hai trăm ngàn đồng chẵn); án phí về việc chia tài sản 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng chẵn) và án phí về việc hoàn trả lại chi phí tố tụng cho anh Phạm Văn H là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng chẵn). Cộng chung = 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng chẵn), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng chẵn) theo biên lai thu số 0001488 ngày 29-4-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT (theo biên lai thu thì địa chỉ ấp CT, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang. Theo bản án thì hộ khẩu thường trú ấp T2, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang, có nhà và sinh sống tại ấp T1, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang), Số tiền còn lại chị phải tiếp tục nộp là 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng chẵn).

+ Anh Phạm Văn H phải chịu án phí về việc chia tài sản 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng chẵn) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng chẵn), theo biên lai thu số 0001641 ngày 26-7-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT.

+ Ngân hàng chính sách xã hội không phải chịu án phí. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 570.000đ (Năm trăm, bảy chục ngàn đồng chẵn, do Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội PT nộp), theo biên lai thu số 0012651 ngày 28-112016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày anh Phạm Văn H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị Nguyễn Thị Mỹ H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các ông L và ông T có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-Chi cục THADS huyện PT;
-VKSND huyện PT;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thành Dũng